TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 09 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Vũ Văn Long

Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Văn T; sinh ngày 10 tháng 3 năm 1999; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T1 (Chết); con bà: Nguyễn Thị H; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 20/9/2023, bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 2.000.000đ, đã chấp hành xong việc nộp phạt; bị tạm giữ từ ngày 15/7/2023, tạm giam từ ngày 24/7/2023 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Khương D; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Làng T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị H1; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình N; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 14/7/2023, Lê Văn T, trú tại thôn 4, xã N, huyện N đến Bệnh viện Đ tìm tài sản để trộm cắp kiếm tiền tiêu xài. Khi đến khu vực khoa cấp cứu của Bệnh viện thì gặp anh Nguyễn Khương D, trú tại làng T, xã K, huyện N đến Bệnh viện chăm người nhà ốm, T đi đến nói chuyện làm quen, sau đó T bỏ đi. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 15/7/2023, T quay lại khu vực hành lang khoa cấp cứu thì thấy anh D đang ngủ, bên cạnh có chiếc túi đeo, quan sát xung quanh thấy không có người T liền đi lại lấy chiếc túi rồi đi ra khu vực nhà xe Bệnh viện kiểm tra bên trong túi có 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax, 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus; 01 (Một) bộ sạc điện thoại và 01 (Một) chiếc ví da bên trong có số tiền 110.000đ cùng giấy tờ cá nhân, thẻ ngân hàng của anh D, T lấy điện thoại, bộ sạc điện thoại, số tiền 110.000đ bỏ vào túi quần; túi đeo, ví da bên trong còn số tiền 70.000đ cùng toàn bộ giấy tờ tùy thân của anh D, T vứt lại gốc cây gần nhà xe rồi đi về nhà ngủ. Đến chiều cùng ngày T bị Cơ quan điều tra Công an huyện N triệu tập đến cơ quan làm việc. Tại đây, T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 110.000đ cùng bộ sạc điện thoại cho Cơ quan điều tra; 01 chiếc điện thoại Iphone di động 12 Promax và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus Cơ quan điều tra thu giữ được tại kệ để ti vi trong nhà của T ở thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; túi đeo, ví da bên trong còn số tiền 70.000đ cùng toàn bộ giấy tờ tùy thân của anh D, Cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ được tại khu vực nhà xe gần khoa Chấn thương Bệnh viện Đ. Đây là toàn bộ số tài sản mà T lấy trộm của anh D, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, rạng sáng ngày 06/7/2023 Lê Văn T còn trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của bà Trịnh Thị T2, trú tại thôn M, xã M, huyện N tại khoa Nội tiết Bệnh viện đa khoa khu vực N đem bán cho anh Nguyễn Thanh T3, ở phố L, thị trấn N lấy số tiền 600.000đ tiêu xài.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của tài sản tại thời điểm ngày 15/7/2023 là 14.457.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng), cụ thể như sau:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, dung lượng 128gb giá trị là: 12.167.000đ.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, dung lượng 32gb giá trị là: 2.000.000đ.

+ 01 (Một) chiếc túi đeo được làm gia công bằng da công nghiệp, dạnh hình hộp chữ nhật có kích thước 22x13,5x6cm, màu nâu, có quai đeo bằng vải, giá trị là: 117.000đ.

+ 01 (Một) chiếc ví được làm gia công bằng da công nghiệp, loại ví gấp có kích thước 21x9cm, màu đen, giá trị là: 40.000đ.

+ 01 (Một) bộ sạc điện thoại màu trắng gồm có dây sạc và củ sạc, trên củ sạc có dòng chữ Realme, giá trị là: 133.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: Giá trị thiệt hại của tài sản là 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12s tại thời điểm ngày 06/7/2023 là 1.167.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-NL ngày 03 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo mức án từ 07 tháng đến 13 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt; bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Người làm chứng anh Nguyễn Đình N thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra, bị hại và người làm chứng chị Bùi Thị H1 đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15 tháng 7 năm 2023, tại khu vực khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa khu vực N, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn T lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, quan sát thấy không có ai để ý, đã lén lút lấy trộm 01 (Một) chiếc túi đeo bên trong đựng 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; 01 (Một) ví da; 01 (Một) bộ sạc điện thoại và số tiền 180.000đ của anh Nguyễn Khương D ở Làng T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, tổng giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 14.637.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản

1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12s, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, dung lượng 128gb, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, dung lượng 32gb, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc túi đeo được làm gia công bằng da công nghiệp, dạnh hình hộp chữ nhật có kích thước 22x13,5x6cm, màu nâu, có quai đeo bằng vải, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc ví được làm gia công bằng da công nghiệp, loại ví gấp có kích thước 21x9cm, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) bộ sạc điện thoại màu trắng gồm có dây sạc và củ sạc, trên củ sạc có dòng chữ Realme, đã qua sử dụng; tiền mặt là 180.000đ và một số giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Khương D. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với hành vi Lê Văn T trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12s của bà Trịnh Thị T2, trú tại thôn M, xã M, vào ngày 06/7/2023 tại khoa Nội tiết Bệnh viện đa khoa khu vực N: tài sản tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 1.167.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện N đã

ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, phạt tiền 2.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi của anh Nguyễn Thanh T3 là người đã mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mà bị cáo T trộm cắp, khi trao đổi mua bán anh T3 không biết tài sản bị cáo T bán cho mình là tài sản trộm cắp; ngoài ra, bị cáo T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên. Do vậy, hành vi của anh T3 không có dấu hiệu tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Lê Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 15/7/2023).

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Thịnh